

# Nhiệt điện than

Sản lượng than thương phẩm khai thác trong nước từ năm 2010 trở lại đây duy trì ở mức trên dưới 40 triệu tấn/năm. Than sử dụng cho điện là các loại than cám từ 4a đến 6b, trong đó phần lớn là than cám 5 và cám 6 có nhiệt trị khoảng 4200-5000 kcal/kg đang tăng dần về số lượng, chiếm khoảng 76% sản lượng khai thác năm 2019 (khoảng 35 triệu tấn). Tuy nhiên, sản lượng trên chỉ đủ cấp cho khoảng 14000 MW là các nhà máy tại miền bắc và 2 nhà máy tại khu vực miền nam là Duyên Hải 1 và Vĩnh Tân. Do vậy, từ năm 2016, Việt Nam đã phải nhập khẩu than để bù cho phần than thiếu hụt. Tổng lượng than nhập năm 2019 lên tới 17 triệu tấn và sẽ thay đổi (tăng mạnh hay tăng nhẹ) tùy thuộc vào kế hoạch phát triển điện than được lựa chọn. Theo Đề án phát triển thị trường than Việt Nam gắn với SXKD than theo cơ chế thị trường và đảm bảo ANNL quốc gia, trong tổng số sản lượng than thương phẩm sản xuất, than đủ tiêu chuẩn để cấp cho sản xuất điện chiếm khoảng 80%, cụ thể là năm 2020 khoảng 35 triệu , năm 2025: 36,3 triệu tấn, năm 2030: 39,8 triệu tấn và năm 2035: 39,5 triệu tấn và có thể duy trì sản lượng này trong giai đoạn đến 2050.



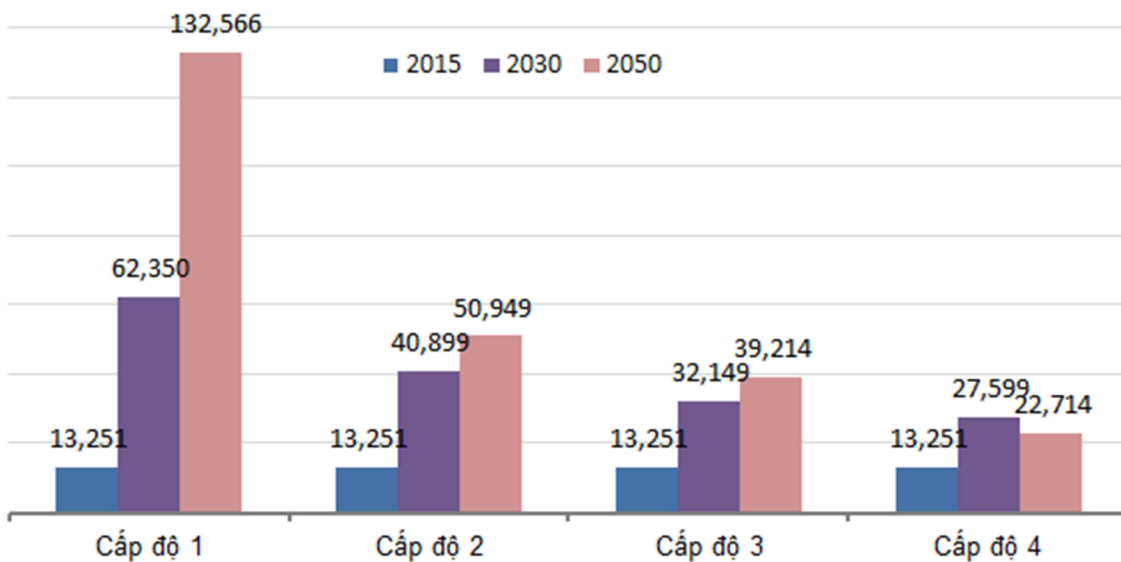
Hình 1: Nhà máy nhiệt điện than Hai Phòng 1, công nghệ dưới tới hạn

**Ở cấp độ 1**, việc phát triển các nhà máy điện than sẽ theo Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030. Hơn thế nữa và để phù hợp với phương pháp luận của báo cáo NDC cập nhật, các nhà máy điện năng lượng tái tạo bao gồm điện gió, điện mặt trời, thủy điện nhỏ, điện sinh khối và điện rác giả định vẫn còn giá cao, cần có chính sách hỗ trợ mới phát triển do vậy được coi là nỗ lực quốc gia và được thay thế bằng nhiệt điện than để thể hiện mức phát thải cơ sở. Tương tự, điện hạt nhân công suất 4600 MW được quy hoạch cho giai đoạn 2026-2030 nhưng đã bị tạm dừng theo Nghị quyết của Quốc Hội và các nỗ lực về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện năng đã được tính đến trong dự báo nhu cầu cũng sẽ được quy ra điện lượng và công suất điện than tương ứng. Theo cách này, tổng công suất điện than năm 2030 sẽ tăng từ 55.300 MW theo Quyết định 428/ QĐ-TTg lên 62,350 MW, về điện lượng chiếm 67% tổng lượng điện sản xuất. Theo cách tiếp cận này, công suất điện than tới năm 2050 sẽ đạt cho giai đoạn sau năm 2030 được ngoại suy. Theo đó, tới năm 2050 công suất điện than lên tới 132.500 MW.

**Cấp độ 2** tương ứng với lộ trình đề ra trong dự thảo Quy hoạch điện 8 (bản trình tháng 10 năm 2021). Theo đó, công suất điện than giảm còn khoảng 41.000 MW năm 2030, đạt đỉnh khoảng 51.000 MW năm 2035 và duy trì ở mức này tới năm 2050.

**Cấp độ 3** thể hiện tham vọng hơn về giảm nhiệt điện than hơn nữa nhằm giảm phát thải khí nhà kính cũng như lo ngại với tính khả thi của việc xây mới các nhà máy điện than dẫn tới giả định về công suất điện than tăng thêm sau 2025 giảm một nửa so với mức dự kiến của cấp độ 2. Theo đó, tổng công suất điện than năm 2030 là 32.100 MW và khoảng 39.000 MW vào 2050. So với cấp độ 2, công suất này giảm 11.000 MW năm 2050 và thậm chí giảm tới 93.000 so với cấp độ 1.

**Cấp độ 4** thậm chí còn thể hiện mức tham vọng hơn về giảm nhiệt điện than nhằm giảm phát thải khí nhà kính hướng tới lộ trình phi carbon trong lĩnh vực năng lượng. Theo đó, cấp độ này chỉ xem xét các nhà máy đang thực sự được xây với tiến độ có thể thấy, và không xem xét thêm các nhà máy điện than mới sau năm 2025. Như vậy ở cấp độ 4, công suất điện than sẽ đạt đỉnh vào năm 2025 ở mức 27.600 MW và sẽ giảm dần cùng với việc các nhà máy điện hiện có hết tuổi thọ kinh tế. Tới năm 2050, công suất điện than dự kiến còn 22.700 MW.



Hình 2: Công suất điện than năm 2015, 2030 và 2050 theo các cấp độ